

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2025/HC-PT

Ngày 21-4-2025

V/v: "Khiếu kiện về quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Dương Anh Văn

Ông Trần Ngọc Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:*
Ông Phạm Ba Duy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 861/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2024/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 915/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số C, Tổ C, ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị B: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ hiện nay: Số C, ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 5994, ngày 31 tháng 5 năm 2022). Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T;

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường C, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh T: Ông Nguyễn Thành Đ1 – Chức vụ: Phó trưởng phòng quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ trụ sở: Số C, đường H, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Thành C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Thành C (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang:

- Bà Phạm Thị Trúc H – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

- Ông Ngô Quang T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

4. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ trụ sở: Ô, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: Ông Phạm Hùng V1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang: Ông Ngô Quan T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1976, vắng mặt.

3. Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1978, vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1980, vắng mặt.

5. Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1988, vắng mặt.

6. Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1990, vắng mặt.

7. Nguyễn Quốc P, sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị B, Bản án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B trình bày:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00463 QSDĐ 168/QĐ-UB ngày 20/03/1998 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L2 (là chồng bà Trần Thị B), diện tích 7.710m², đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (nay là ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) trong đó có 02 thửa. Thửa số 93, diện tích 3.580m² mục đích sử dụng vườn thổ cư; Thửa số 92, diện tích 4.130m² mục đích sử dụng đất vườn. Nguồn gốc đất này của cha mẹ cho bà B vào năm 1975 và sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Năm 2001, Nhà nước giải tỏa một phần đất trong thửa 93 của hộ ông Nguyễn Văn L2 làm đường Quốc lộ 50, diện tích đất giải tỏa là: 1.929,50m², được đền bù là: 82.169.099 đồng, nhưng UBND huyện C không ban hành quyết định thu hồi đất.

Năm 2004, thửa đất 93 còn hai bên lộ ông L2 chuyển nhượng cho 07 hộ dân với diện tích là: 2.272,6m² (tổng diện tích đền bù và chuyển nhượng là: 1.992,50m² + 2.272,6m² = 4.265,1m²) trừ diện tích thửa 93: 3.580m² nên diện tích thửa 93 dư so với Giấy chứng nhận là 622m² và đất hiện còn khoảng 130m² mà bà đang xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất có vị trí như sau: Hướng Đông giáp Trần Thanh T3, Trần Thanh H2, hướng Tây giáp thửa 94 ông Nguyễn Văn G, hướng Nam giáp thửa 135 bà Nguyễn Thị L3, hướng Bắc giáp Quốc lộ E (theo Biên bản thẩm tra đo đạc ngày 09/03/2004) như vậy diện tích đất thửa 93 có dư so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 622m² + 130m² = 752m².

Năm 2005, Nhà nước giải tỏa tiếp thửa 92 của hộ ông Nguyễn Văn L2 để làm đường H nối dài và khu dân cư hai bên đường. Lúc này UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất số 267/QĐ-UB ngày 20/10/2005. "Tại Điều 1 thu hồi: 2.749,3m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 2.449,3m²) của hộ ông Nguyễn Văn L2 gồm các thửa số: 92-93 thuộc tờ bản đồ địa chính số 839, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00463 QSDĐ/168/QĐ-UB cấp ngày 20/10/1998". Trong phần chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi: "Thu hồi hết thửa 93 (839): 1.141,9m² trong thửa 92 (839) để thực hiện công trình đường H nối dài theo Quyết định: 267/QĐ-UB ngày 20/10/2005 do UBND huyện ký tổng diện tích 2.749,3m². Trong khi đó thửa 93 không nằm trong quy hoạch dự án đường H nối dài mà UBND huyện quyết định thu hồi hết thửa 93 để thực hiện công trình đường H nối dài là không đúng và khi thu hồi là thu hồi trên giấy không được đo đạc lại, thực tế diện tích đất thửa 93 còn phần đất khoảng 130m² giáp thửa 94.

Năm 2008, ông Nguyễn Văn L2 bệnh chết. Bà B là người thừa kế theo pháp luật. Năm 2012, bà phát hiện Quyết định 267/QĐ-UB ngày 20/10/2005 của UBND huyện C thu hồi hết thửa 93 để thực hiện công trình đường H nối dài và thu hồi không có đo đạc lại là không đúng. Bà đã làm đơn xin xác nhận phần đất của thửa 93 còn do Quyết định thu hồi nhầm để xin cấp lại giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, đơn đã được ông Nguyễn Văn H3 - nguyên là cán bộ Địa chính xã Lương Hòa L4 xác nhận (đính kèm giấy xác nhận) và sau đó đã được các cơ quan chức năng của UBND thành phố M là Phòng Quản lý đô thị, Phòng T, UBND xã Đ xác minh làm rõ phần đất còn lại của thửa 93 tại Biên bản họp dân ngày 14/09/2012 và Biên bản khảo sát ngày 09/10/2012 (đính kèm 2 biên bản) trong đó có lối đi làm bằng bê tông, xi măng đất thuộc của ông L2, bà B mà năm 2005 ông L2 cho dân đi nhờ ra Quốc lộ E.

Ngày 26/08/2019, UBND xã Đ ban hành Công văn số 299 cho rằng phần đường đi 01m mà ông L2 cho dân đi nhờ là đường công cộng và đất đã bị thu hồi. Ngày 26/05/2020, bà gửi đơn đến UBND thành phố M xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất còn lại của thửa 93 khoảng 130m² do Quyết định số 267/QĐ-UB ngày 20/10/2005 thu hồi nhầm. Ngày 16/06/2020 UBND thành phố M ban hành Văn bản số 3602/UB-ND-PTNMT về việc trả lời đơn, bà không đồng ý.

Ngày 16/09/2020, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 6643/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Không đồng ý giải quyết khiếu nại, bà khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh T. Ngày 15/04/2021 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 908/QĐ-UBND "công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng".

Bà B không đồng ý với các quyết định trên vì lối đi là ranh đất giữa ông L2 và ông C3 trước đây không phải là lối đi công cộng, mà là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông L2. Đất của lối đi hiện nay (lối đi mà bà B xin cấp quyền sử dụng) cũng thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông L2. Vì vậy, ông L2 không thể có sự hoán đổi đất của mình để lấy đất cũng của mình. Ông L2 không có nghĩa vụ hoán đổi đất này để làm đường đi công cộng, ông L2 cũng chưa hề nhận đất của bất cứ hộ dân nào, cũng chưa có bằng chứng nào thể hiện sự hoán đổi đất.

Do đó bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- + Hủy Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T.

- + Hủy Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- + Buộc UBND thành phố M cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất còn lại thửa 93, tờ bản đồ 839 khoảng 130m² cho bà Trần Thị B.

- Ngày 30/10/2023, ông Đ là người đại diện ủy quyền của bà B khởi kiện bổ sung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang hủy một phần Quyết định 267/QĐ-UB ngày 26/10/2005 của UBND huyện C về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư công trình đường H nối dài và kết cấu hạ tầng khu dân cư hai bên đường. Lý do: Vì thửa 93, tờ bản đồ số 839 không liên quan, không thuộc diện quy hoạch dự án đường H nối dài mà UBND huyện C thu hồi hết thửa 93, tờ bản đồ 839 để thực hiện dự án đường H nối dài là không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và khi thu hồi hết thửa đất 93 không thực hiện việc đo đạc mà chỉ thu hồi trên giấy, trong khi đó đất thửa 93 còn khoảng 130m² mà hiện nay bà B xin cấp lại.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ, đối chiếu quy định pháp luật có liên quan xác định:

Năm 2020, bà Trần Thị B yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại tiếp giáp với đất của bà. Ngày 16/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6643/QĐ-UBND, nội dung quyết định: Bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị B đối với yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thuộc đường đi công cộng. Bà Trần Thị B tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Trần Thị B như sau:

Nguồn gốc đất, biến động trong quá trình sử dụng và hồ sơ địa chính:

Phần đất bà Trần Thị B yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là đất của hộ ông Nguyễn Văn L2, thuộc một phần thửa 93, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00463/QSDD/168/QĐUB ngày 20 tháng 3 năm 1998 cho hộ ông Nguyễn Văn L2 (chồng bà Trần Thị B), với tổng diện tích 7.710m², trong đó: thửa đất số 93, tờ bản đồ số 839, diện tích 3.580m² loại đất vườn + thổ cư và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 839, diện tích 4.130m² loại đất vườn. Đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang). Trong quá trình sử dụng, thửa đất số 93 của hộ ông Nguyễn Văn L2 có biến động diện tích ghi tại trang 4 Giấy chứng nhận:

- Chuyển nhượng quyền sử dụng cho 07 hộ là Đoàn Thị N (105m²), Đoàn Thị N1 (59,7m²), Nguyễn Hồng Q (1.226m²), Nguyễn Ngọc T4 (197,7m²), Trần Nguyễn C1 (58m²), Lê Thị H4 (77,2m²), Trần Thanh H2 (509m²); tổng diện tích đất đã chuyển nhượng là 2.272,6m² (chỉnh lý biến động ngày 16 tháng 4 năm 2004).

- Thu hồi hết thửa 93 để thực hiện công trình đường H nối dài theo Quyết định số 267/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện C. Theo nội dung chỉnh lý ngày 15 tháng 12 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tổng diện tích đất thu hồi là 2.749,3m² trong đó có một phần thuộc thửa đất số 92 (839) là 1.141,9m², như vậy phần diện tích thu hồi thuộc thửa 93 (839) là 1.607,4m².

Theo Bản đồ địa chính chính quy xã Đ, thành phố M phần đất bà B khiếu nại thể hiện là đường đi công cộng, hiện trạng là đường đan (rộng 01m) do nhân dân khu vực Tổ C, ấp L, xã Đ sử dụng đi ra Quốc lộ E.

Quá trình hình thành và sử dụng đường đi hiện hữu:

Năm 2004, ông Nguyễn Văn L2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở thửa 93 cho 07 hộ (như nêu phần trên), tổng diện tích chuyển nhượng là 2.272,6m² đất. Ngoài ra, phần đất của ông Nguyễn Văn L2 còn biến động giảm do thu hồi để thực hiện dự án Quốc lộ E nên hiện trạng thửa 93 còn lại là hình tam giác, nằm trong hành lang an toàn Quốc lộ 50; trong khi đó, phía sau thửa đất số 93 là đường đi công cộng hình thành từ trước năm 1975 (rộng khoảng 01m), rồi mới đến đất của các hộ Trần Huyền C2, Đoàn Thị N và Đoàn Thị N1. Theo trình bày của ông Hồ Châu P1 (chồng bà Trần Huyền C2) trước khi mua đất của ông Nguyễn Văn L2, do có đường đi nằm giữa phần đất hiện hữu của các hộ (đã mua của ông Nguyễn Văn C3) với đất của ông Nguyễn Văn L2, nên các hộ này không đồng ý mua. Sau đó, ông L2 là người chủ động thỏa thuận với các hộ dân trong khu vực

đi trên con đường này cho ông L2 sử dụng con đường hiện hữu để bán cho các hộ Trần Huyền C2, Đoàn Thị N và Đoàn Thị N1; ngược lại, ông L2 sẽ chủ động hoán đổi con đường mới ra Quốc lộ E cho nhân dân. Thời điểm hoán đổi là năm 2004; đồng thời, ông L2 là người chủ động thuê ông H5 đắp lại con đường mới như hiện nay. Đối với phần diện tích đường đi cũ phía sau đất ông L2, ông L2 đã sử dụng để bán cho Trần Huyền C2, Đoàn Thị N và Đoàn Thị N1 và các hộ này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua cuộc họp lấy ý kiến tập thể hộ dân Tổ 3, ấp L, xã Đ cùng thống nhất xác định con đường đi phía sau đất của ông Nguyễn Văn L2 (thửa 93), đường đi này nằm giữa đất ông Nguyễn Văn L2 và ông Nguyễn Văn C3 rộng khoảng 01m là đường đi công cộng. Điểm đầu xuất phát từ kinh 26/3 và điểm cuối đi ra đến Tỉnh lộ 879 được hình thành trước năm 1975. Tuyến đường này đi ngang đất của ông Nguyễn Văn L2 (phía Bắc) và đất của ông Nguyễn Văn C3 (phía Nam). Đến năm 2004, ông L2 thỏa thuận với các hộ dân trong khu vực hoán đổi đoạn đường đi phía sau đất ông L2 sang phần đường đi hiện hữu và nhân dân sử dụng ổn định cho đến nay.

Như vậy, phần đất bà Trần Thị B yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận là đất đường đi công cộng, đường đi này do ông Nguyễn Văn L2 hoán đổi vị trí để chuyển nhượng đất cho các hộ khác. Đường đi này đã hình thành từ năm 2004 sử dụng làm lối đi chung liên tục đến nay để đi ra Quốc lộ E. Mặt khác, theo bản đồ địa chính được duyệt ngày 24 tháng 12 năm 2008 cũng đã thể hiện phần đất này là đường đi công cộng. Quá trình sử dụng con đường này và xác lập trên bản đồ địa chính ông Nguyễn Văn L2 không có thắc mắc hay khiếu nại gì.

Theo khoản 2, Điều 7 Luật Đất đai năm 2013 Chủ tịch Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc quản lý sử dụng đất thuộc công trình công cộng của địa phương.

Do phần đất bà Trần Thị B yêu cầu được cấp giấy chứng nhận hiện ở đường đi công cộng, nên bà Trần Thị B không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai.

Ngoài ra, quá trình giải quyết khiếu nại nhận thấy phần diện tích còn lại của bà Trần Thị B (đất tiếp giáp đường đi) có diện tích nhỏ nên đề nghị phía bà Trần Thị B chuyển nhượng để nhà nước mở rộng đường đi. Tại đơn kiến nghị ghi ngày 23 tháng 3 năm 2021, ông Nguyễn Văn Đ (người được bà Trần Thị B ủy quyền) có nội dung: “Theo chủ trương của tỉnh gia đình thấy phần diện tích còn lại nhỏ, không xây dựng được. Gia đình có nhu cầu bán luôn...”

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 908/QĐ-UBND, nội dung quyết định công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6643/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M.

Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành đúng theo trình tự thủ tục của pháp luật về khiếu nại; căn cứ để giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị B, đề nghị Tòa án nhân dân xét xử theo quy định./.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến như

sau:

Liên quan đến quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố M, qua kiểm tra hồ sơ:

Phần đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C nay là ấp L, xã Đ, thành phố M có nguồn gốc do hộ ông Nguyễn Văn L2 sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00463/QSDĐ/168/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20 tháng 3 năm 1998 với tổng diện tích 7.710m², trong đó: thửa đất số 93, tờ bản đồ số 839, diện tích 3.580m² loại đất vườn + thổ cư và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 839, diện tích 4.130m² loại đất vườn.

- Trong quá trình sử dụng, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 839 của hộ ông Nguyễn Văn L2 có biến động về diện tích, nội dung thể hiện tại trang 4 Giấy chứng nhận, cụ thể:

- Chuyển nhượng quyền sử dụng cho 07 hộ là Đoàn Thị N (105m²), Đoàn Thị N1 (59,7m²), Nguyễn Hồng Q (1.266m²), Nguyễn Ngọc T4 (197,7m²), Trần Huyền C2 (58m²), Lê Thị H4 (77,2m²) và Trần Thanh H2 (509m²); tổng diện tích đất đã chuyển nhượng là 2.272,6m².

- Phần diện tích còn lại, thu hồi hết để thực hiện công trình đường H nối dài theo Quyết định số 267/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện C. Theo nội dung chỉnh lý ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tổng diện tích đất thu hồi là 2.749,3m² trong đó có một phần thuộc thửa đất số 92 (839) là 1.141,9m²; như vậy phần diện tích thu hồi thuộc thửa 93 (839) là 1.607,4m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00463/QSDĐ/ 168/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20 tháng 3 năm 1998 cho hộ ông Nguyễn Văn L2 đã bị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, bà Trần Thị B có đơn khiếu nại, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất còn lại của thửa số 93, tờ bản đồ số 839. Hiện trạng phần đất bà Trần Thị B đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng có một phần là đường đi công cộng rộng 1m, hiện các hộ dân trong khu vực sử dụng đi ra Quốc lộ E.

Theo xác nhận của ông Nguyễn Văn H3, nguyên cán bộ Địa chính xã L trước đây, phần đường công cộng 01m nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn L2 thuộc thửa 93, tờ bản đồ 839; Bản đồ địa chính chính quy xã Đ, thuộc tờ bản đồ số 42 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T duyệt ngày 24 tháng 12 năm 2008 thể hiện phần đất bà Trần Thị B đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng có một phần là đường đi công cộng rộng 01m; Theo biên bản về việc thẩm tra, đo đạc diện tích thực tế thửa đất ngày 05 tháng 8 năm 2009 do Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt, hướng Tây thửa đất bà Trần Thị B giáp đường đi công cộng 01m; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00463/QSDĐ/168/QĐUB ngày 20 tháng 3 năm 1998 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L2 thể hiện đã thu hồi hết thửa 93, tờ bản đồ 839 theo Quyết định số 267/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C ký ngày 20 tháng 10 năm 2005. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04785 ngày 27 tháng 5 năm 2015 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Phạm Thị Đ2, có ranh hướng Đông giáp đất bà Trần Thị B (giữ nguyên hiện trạng đường đi); Công văn số 749/CV-CNVP ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, nội dung bản đồ thể hiện là đường đi công cộng; Công văn số

299/UBND ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ, đất đường đi công cộng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai; việc bà Trần Thị B đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên là chưa có cơ sở giải quyết.

Mặc khác, Ủy ban nhân dân xã Đ phối hợp phòng Tài nguyên và Môi trường và Ban công tác ấp L, xã Đ tổ chức họp lấy ý kiến các hộ dân trong khu vực (có 20 hộ dân tham dự, biên bản kèm theo). Kết quả: 20 hộ dân đều có chung ý kiến, xác định đường đi công cộng tại Tổ C, ấp L, xã Đ (phần đường rộng 01m) trước đây là đất của hộ ông Nguyễn Văn L2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, thuộc thửa đất số 93 (839). Năm 2004 hộ ông L2 có chuyển nhượng quyền sử dụng đất 7 hộ và có hoán đổi đường đi cho các hộ dân đi lại cho đến nay. Trong quá trình hoán đổi hộ ông L2 có thuê ông Năm H5 đắp đường đi cho các hộ dân, các hộ dân tự lắp đặt đường nước, trồng trụ điện sử dụng cho đến ngày nay. Hiện nay nhu cầu của các hộ dân tại Tổ C, ấp L xã Đ vẫn đi lại trên đường đi công cộng và yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đường đi công cộng nói trên.

Từ những nội dung xác minh như trên, nhận thấy: Tuy phần đường đi này có nguồn gốc thuộc thửa đất số 93 (839) của hộ ông Nguyễn Văn L2 đã được cấp Giấy chứng nhận, nhưng năm 2004 ông L2 đã hoán đổi phần đường đi trong khu vực và các hộ dân đã sử dụng làm đường đi từ đó cho đến nay, việc bà Trần Thị B yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc đường đi này là không phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương. Ngày 16 tháng 9 năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 6643/QĐ-UBND, giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B. Nội dung quyết định “Bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị B, yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc đường đi công cộng của bà Trần Thị B, ngụ số C Tổ C, ấp L, xã Đ, thành phố M”.

Quyết định số 6643/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và ngày 15 tháng 4 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh T cũng đã có Quyết định số 908/QĐUBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B (lần 2) với nội dung quyết định: “Công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng”.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M: Thống nhất với ý kiến trình bày của UBND thành phố M và UBND tỉnh T. Không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc L1, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Quốc P thống nhất với đơn khởi kiện của bà B và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2024/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc:

+ *Hủy Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang và quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B.*

+ *Buộc Ủy ban nhân dân thành phố M thực hiện công vụ là cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất còn lại thửa 93, tờ bản đồ 839 diện tích 115, 6m² cho bà Trần Thị B theo biên bản đo đạc ngày 09/5/2024 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

2. *Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy 01 phần quyết định 267/QĐ-UB ngày 26/10/2005 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất hộ để thực hiện dự án đầu tư công trình đường H nối dài và kết cấu hạ tầng khu dân cư hai bên đường.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang có làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 10/2024/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày tranh luận: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm với lý do ông L2 chuyển nhượng đất cho 07 hộ dân nên đã hoán đổi phần đất của mình dành 01m để làm đường đi công cộng, và đã được cập nhật trên bản đồ thuộc đất công nên yêu cầu cấp Giấy chứng nhận là không có cơ sở. Đối với việc vì sao vào năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố M có xác nhận đất đường đi này thuộc quyền sử dụng của ông L2 thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho biết là không rõ vì sao, vì thời điểm này đã lâu bà không nắm rõ sự việc.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày tranh luận: Ủy ban nhân dân tỉnh T không kháng cáo nhưng không đồng tình với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên chỉ đạo cho Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang kháng cáo bản án. Thống nhất với việc trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố M. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ pháp luật. Phần đất mà bà B yêu cầu công nhận thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, có văn bản xác nhận của UBND thành phố M tại Tòa vào năm 2017, đó là chứng cứ không cần phải chứng minh. Mặt khác khi giải tỏa làm đường H và Quốc lộ E, không có lối đi cho các hộ dân nên UBND xã Đ đã mở con đường cho các hộ dân đi cho đến nay. Ngoài phần đường đi này còn một phần đất khi giải tỏa còn lại nhưng người bị kiện yêu cầu bà B chuyển nhượng lại cho Nhà nước nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 7 năm 2024 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang làm Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố M về việc giải quyết khiếu nại (lần 1), Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Trần Thị B, ngụ số C, Tổ C, Ấp L, xã Đ, thành phố M và hủy một phần Quyết định 267/QĐ-UB ngày 26/10/2005 của UBND huyện C về việc thu hồi đất hộ để thực hiện dự án đầu tư công trình đường H nối dài và kết cấu hạ tầng khu dân cư hai bên đường. Xét thấy các Quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện về quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2, 3 Điều 3; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ có mặt, còn lại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Bà Trần Thị B yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M cấp quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế là 115,6m². Trong đó có phần đất ngang 01m,

dài 40m (40m²) hiện là lối đi mà bà cho rằng là lối đi tạm cho các hộ dân đi trước đây. Phía người bị kiện xác định tại Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố M cho rằng phần đất bà B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận là lối đi công cộng do Nhà nước quản lý nên không đủ điều kiện cấp giấy. Tại phiên tòa, người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định trong diện tích 115,6m² bà B yêu cầu cấp giấy có một phần diện tích làm đường đi, phần còn lại diện tích nhỏ thuộc quyền sử dụng của bà.

[4.2] Xét nguồn gốc phần đất mà bà Trần Thị B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017, bà Trần Thị B khởi kiện dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với bị đơn là ông Trần Thanh T3 và được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm số 233/2017/DSPT ngày 14/9/2017 đã có hiệu lực, không bị kháng cáo, kháng nghị. đã chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà, trong vụ án này những người tham gia tố tụng trong vụ án bà B kiện ông T3, có Ủy ban nhân dân thành phố M tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: “Đối với phần đất tranh chấp trước đây do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L2 diện tích 3.580m² sau đó thực hiện dự án đường H nối dài, do các hộ dân phía trong không có đường đi ra nên vợ chồng ông L2, bà B mở 01 lối đi tạm ngang 01m đi ra Quốc lộ E, phần đất tranh chấp không phải là lối đi công cộng mà thuộc quyền sử dụng đất của ông L2, bà B”. (bút lục số 05).

Xét thấy, phần đất tranh chấp trong vụ án dân sự nêu trên giữa bà B và bị đơn ông Trần Thanh T3 chính là phần đất bao gồm phần đất hiện tại bà B đang quản lý sử dụng + phần đất ngang 01m bà B yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M cấp quyền sử dụng đất cho bà. Như vậy bà B đã được công nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả phần đường đi ngang 01m, dài 40m.

[4.3] Tại Công văn 5039/UBND-TPMT ngày 26/9/2022, Ủy ban nhân dân thành phố M đã thừa nhận phần đường đi này thuộc thửa đất số 93 của hộ ông Nguyễn Văn L2 đã được cấp giấy chứng nhận. Nhưng Ủy ban nhân dân thành phố M không cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì cho rằng, năm 2004 ông L2 có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 07 hộ và có hoán đổi đường đi cho các hộ dân đi lại cho đến nay, nên xác định lối đi đang tranh chấp là đường đi công cộng là không có cơ sở. Bởi vì trước đây lối đi là bờ móng nhỏ là ranh đất giữa ông L2 và ông Nguyễn Văn C3 thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông L2 và ông C3, khi ông L2 bán đất cho 07 hộ dân, thì Ủy ban nhân dân huyện C đồng ý cho ông L2 chuyển quyền sử dụng đất (nếu cho rằng đất công cộng thì không lý do gì Ủy ban nhân dân huyện C cho phép ông L2 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đó cho 07 hộ dân). Từ việc ông L2 bán đất thì những hộ dân phía trong không có lối đi ra bên ngoài nên ông L2 mới tự nguyện mở lối đi khác nằm trong thửa 93 ngang 01m. Như vậy ông L2 chỉ mở lối đi khác cho những hộ dân bên trong chứ không hoán đổi đất công cộng để bán và mở lối đi khác như lời trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Ngoài ra tại Biên bản làm việc ngày 14/9/2012, tại Tổ C, ấp L, xã Đ về việc triển khai văn bản số 5017 và số 139 (bút lục số 100) cũng đã xác định phần đường

đi ra Quốc lộ E không phải là đường đi công cộng mà thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị B có cho bà con trồng trụ điện trên đất cho bà con đi tạm với chiều rộng 0,4m; Biên bản ngày 09/10/2012, xác định năm 2005 Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất làm dự án khu dân cư 2 bên đường H nổi dài và phần đường đi bờ mương nổi dài của hộ dân không còn, do đó vợ chồng bà B bỏ ra 01m để làm đường đi tạm cho các hộ dân. Do xác định lối đi trên không phải là lối đi công cộng mà thuộc quyền sử dụng của hộ ông L2, bà B, nên năm 2012 Ủy ban nhân dân tỉnh đã trích đất của dự án đường H nổi dài, phía sau Trung tâm lưu trữ, đường từ Phan Văn K đến Quốc lộ E để mở lối đi công cộng cho các hộ dân và các hộ dân hiện nay đang sử dụng để làm lối đi. Từ những phân tích trên nhận thấy việc ông L2 mở lối đi khác không làm mất đi quyền sử dụng đất của hộ ông L2 và Ủy ban nhân dân thành phố M không thể căn cứ vào việc mở lối đi này mà cho rằng đất đi nhờ là đất công cộng mà không cấp giấy chứng nhận cho bà Trần Thị B.

[4.4] Mặt khác, theo khiếu nại của bà B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực tế có hai phần: Phần 1 là phần lối đi mà Ủy ban nhân dân thành phố M cho rằng là lối đi công cộng nên không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần 2 là phần đất tiếp giáp đường đi có diện tích nhỏ. Việc xác định này thể hiện tại Văn bản số 4887/UBND-BTCD ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh T gửi Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (bút lục số 73) tại trang 3 của văn bản (bút lục số 72) có đoạn *Ngoài ra quá trình giải quyết khiếu nại nhận thấy phần diện tích còn lại của bà Trần Thị B (đất tiếp giáp đường đi) có diện tích nhỏ nên đề nghị phía bà Trần Thị B chuyển nhượng để mở rộng đường đi...*

Như vậy, phần đất bà B yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có hai phần, nhưng người bị kiện chỉ xem xét phần diện tích lối đi theo xác định là 01m x 40m và bác yêu cầu khiếu nại của bà B mà không xem xét giải quyết phần còn lại của bà B có cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được hay không, nếu không đủ diện tích tách thửa hoặc cấp giấy thì thực hiện như thế nào. Có như thế mới giải quyết dứt điểm và toàn diện khiếu nại của người dân.

[5] Tóm lại, Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T cho rằng phần đường đi ngang 01m, dài 40m không thuộc quyền sử dụng đất của bà B và không đồng ý cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa làm rõ việc Ủy ban nhân dân thành phố M có văn bản xác nhận lối đi thuộc quyền sử dụng của bà B được ghi nhận trong Bản án phúc thẩm số 233/2017/DSPT ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực pháp luật là chưa có căn cứ vững chắc và cũng chưa xem xét trả lời giải quyết khiếu nại phần diện tích đất còn lại của bà B không phải là lối đi nên bà B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố M là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân thành phố M thực hiện công vụ là cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị B phần đất còn lại ở thửa 93, tờ bản đồ 839, diện tích 115,6m² là chưa đúng. Vì việc xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là nhiệm vụ công vụ của cơ quan hành chính Nhà nước nên chỉ buộc người bị kiện phải thực hiện lại nhiệm

vụ công vụ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử điều chỉnh lại phần quyết định này cho phù hợp mà không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được những chứng cứ gì mới chứng minh cho kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Vì yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2024/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc:

+ Hủy Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang thực hiện công vụ theo quy định của pháp luật trong việc xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị B.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 26/10/2005 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất hộ để thực hiện dự án đầu tư công trình đường H nối dài và kết cấu hạ tầng khu dân cư hai bên đường.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000307 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tiền Giang. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã đóng xong án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú